

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HS-ST

Ngày 26-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Thìn;
2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 26/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HS ngày 29/6/2021, Thông báo về việc hoãn xét xử vụ án hình sự số 121/TB-TA ngày 08/7/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 129/TB-TA ngày 15/7/2021 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Thị T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1983 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Nguyễn Văn T(đã chết) và bà Phan Thị Th; có chồng là Mai Thế Th, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Bà Võ Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với Bà Võ Thị M (sau đây viết tắt là bà M) là chủ tiệm vàng K (ở xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) nên bị cáo Nguyễn Thị T (sau đây viết tắt là T) nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà M. T nói dối với bà M là mình có mối quan hệ làm ăn với người phụ nữ có tên gọi là “H” ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và bà “H” có nhu cầu mua đồ lễ vật, vàng các loại để tổ chức đám cưới cho người khác. Sau đó, T đặt vấn đề về việc bà M bán vàng cho bà “H” theo các thông tin về số lượng, chất vàng do T cung cấp và bà M đưa vàng cho T để T đem lên huyện Trà Bồng giao cho bà “H”, T sẽ đem tiền bán vàng về cho bà M thì bà M đồng ý. Sau khi nhận được vàng của bà M để giao cho bà “H” thì T đem bán lại cho các tiệm vàng ở thành phố Quảng Ngãi và đem tiền bán vàng trả đầy đủ cho bà M nhằm tạo sự tin tưởng của bà M.

Ngày 10/3/2020, bằng phương thức thủ đoạn nêu trên, T đến nhận của bà M 77 chỉ vàng, trong đó có 70 nhẫn vàng (tương ứng 70 chỉ vàng, chất lượng 98%), 01 lách đeo tay (tương ứng 03 chỉ vàng, chất lượng 98%), 01 đôi bông tai (tương ứng với 01 chỉ vàng, chất lượng 9999), 01 lách đeo tay (tương ứng 03 chỉ vàng, chất lượng 9999) để đem giao cho bà “H” thì bà M tin tưởng nên đã giao số vàng trên cho T. Tuy nhiên, sau khi nhận số vàng nêu trên thì T đem đi bán cho các tiệm vàng tại thành phố Quảng Ngãi rồi chiếm đoạt toàn bộ số tiền bán vàng này để sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Vì không thấy T trả lại tiền bán vàng nên bà M liên hệ với T nhưng T nói làm mất tiền bán vàng, sau đó tắt thuê bao di động và bỏ trốn nên bà M đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn để xác minh, xử lý theo quy định.

Ngày 27/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Bình Sơn kết luận 77 chỉ vàng nêu trên mà T đã chiếm đoạt của bà M có giá trị tổng cộng là 356.710.000 đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-BS, ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 08 đến 09 năm tù; về dân sự: Buộc bị cáo T có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 356.710.000 đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

Qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận bị cáo đã đưa ra các thông tin không có thật nhằm tạo sự tin tưởng của bà M để chiếm đoạt của bà M 77 (bảy mươi bảy) chỉ vàng như cáo trạng đã truy tố; bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không có tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, làm việc để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Bị hại không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu bị cáo T trả lại số vàng hoặc trả bằng tiền tương ứng với giá trị vàng đã bị chiếm đoạt nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình giải quyết đơn tố giác tội phạm của bà M và trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã tiến hành xác minh tại huyện Trà Bồng đối với người có tên là “H” như bị cáo T

khai nhưng kết quả xác minh tại các địa phương này không có người nào tên “H”; đồng thời, cũng xác minh đối với số thuê bao di động 09454943XY mà T cho rằng là của bà “H”, tuy nhiên kết quả xác minh chủ thuê bao là bà Nguyễn Thị L (ở xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) nhưng bà L đã đi khỏi địa phương từ trước (khoảng 01 năm) thời điểm bị cáo thực hiện hành vi nên không làm việc được. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T cũng thừa nhận các thông tin về bà “H” và số thuê bao của bà “H” như đã nêu trên là không có thật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của như nội dung Cáo trạng 36/CT-VKS-BS, ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn mô tả, truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo T đã có phương thức, thủ đoạn gian dối khi đưa các thông tin không có thật như về người phụ nữ tên là “H” ở huyện Trà Bồng có nhu cầu mua vàng để tổ chức cho lễ cưới cho người khác, bị cáo tự ghi các thông tin số lượng vàng mà bà “H” cần mua và chuyển cho bà M; trong những lần đầu bà M giao vàng cho bị cáo để chuyển cho bà “H” và yêu cầu bị cáo đem tiền bán vàng về cho bà M thì bị cáo đem đi bán cho các tiệm vàng và giao lại tiền đầy đủ cho bà M nhằm tạo sự tin tưởng của bà M; đến ngày 10/3/2020, bằng phương thức, thủ đoạn gian dối nêu trên thì T nhận của bà M 77 (bảy mươi bảy) chỉ vàng, trị giá 356.710.000 đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng) sau đó đem đi bán lấy tiền sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân mà không trả lại tiền cho bà M.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T thành khẩn khai báo nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng sau khi bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo T bỏ trốn khỏi địa phương đã gây trở ngại cho việc điều tra vụ án, thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Mặt khác, sự việc đã xảy ra từ tháng 3/2020 nhưng đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường, khắc phục hậu quả do

hành vi phạm tội gây ra. Vì vậy, cần phải xem xét đến các yếu tố này khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bắt bị cáo chấp hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[5] Về biện pháp tư pháp: Sau khi chiếm đoạt 77 (bảy mươi bảy) chỉ vàng nêu trên của bà M, bị cáo đã bán cho các tiệm vàng tại thành phố Quảng Ngãi, không thu hồi được số vàng này. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số lượng vàng nêu trên, trường hợp không trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng giá trị tại thời điểm thi hành án.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về tội danh, hình phạt và đề nghị về dân sự đối với bị cáo là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.835.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 23, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2021.

3. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Võ Thị M 77 (bảy mươi bảy) chỉ vàng, bao gồm 73 (bảy mươi ba) chỉ vàng chất lượng 98% và 04 (bốn) chỉ vàng chất lượng 9999. Trường hợp không có vàng để trả thì phải thanh toán bằng tiền theo giá trị tương ứng với số lượng, chất lượng vàng như đã nêu trên tại thời điểm thi hành án.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 23, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.835.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Cơ quan CSĐT, hồ sơ nghiệp vụ và Nhà Tạm giữ Công an huyện Bình Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Hòa (thay thông báo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đô

